

Ngày 30/09/2025	22,050 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.5%	13.3%	1.6%

ROE	Q3/25 5.4%	+/- YoY ▲ 1.0%
-----	---------------	-------------------

DT thuần	Q3/25 2,571 tỷ VNĐ	QoQ ▲ 124 ▲ 5.1%	YoY ▲ 133 ▲ 5.4%
----------	--------------------------	------------------------	------------------------

DT thuần	9T 2025 6,521 tỷ VNĐ	YoY ▲ 45.0 ▲ 0.7%
----------	----------------------------	-------------------------

LN gộp	Q3/25 609 tỷ VNĐ	QoQ ▲ 89.0 ▲ 17.2%	YoY ▲ 160 ▲ 35.7%
--------	------------------------	--------------------------	-------------------------

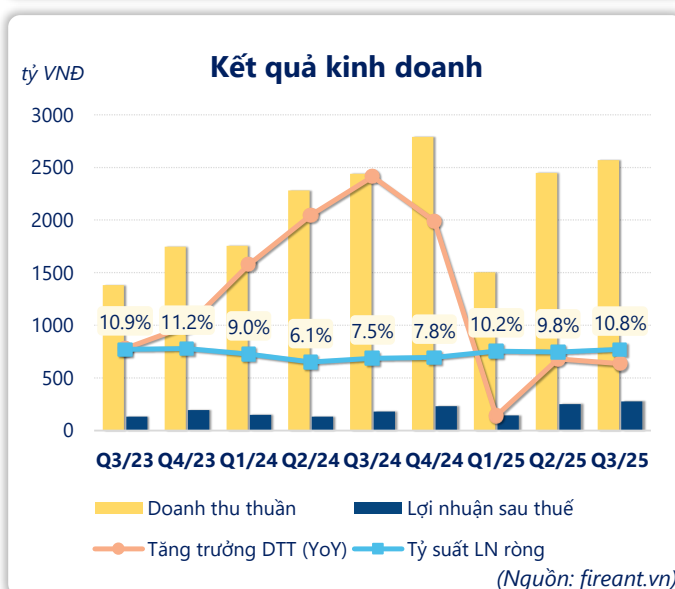
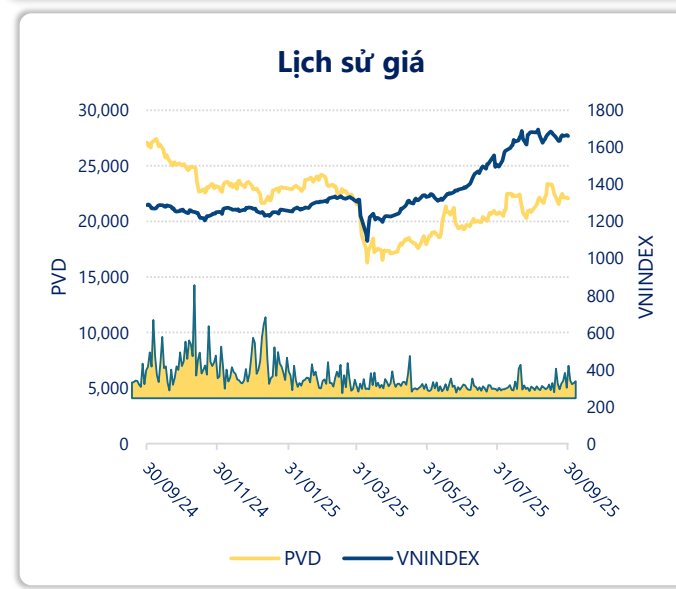
LN gộp	9T 2025 1,400 tỷ VNĐ	YoY ▲ 23.0 ▲ 1.7%
--------	----------------------------	-------------------------

LN thuần	Q3/25 378 tỷ VNĐ	QoQ ▲ 104 ▲ 38.1%	YoY ▲ 121 ▲ 47.2%
----------	------------------------	-------------------------	-------------------------

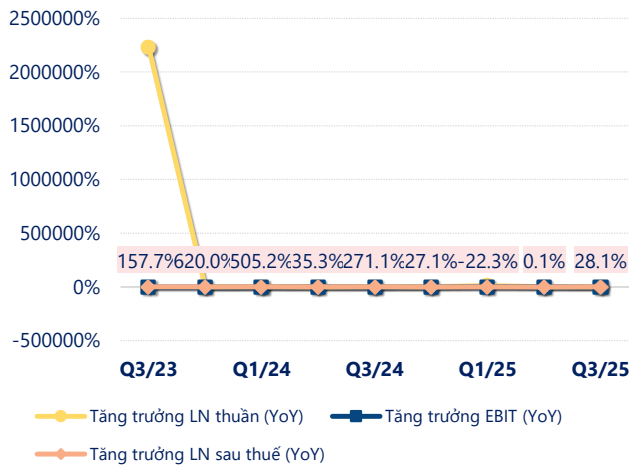
LN thuần	9T 2025 798 tỷ VNĐ	YoY ▲ 92.0 ▲ 13.0%
----------	--------------------------	--------------------------

LN sau thuế	Q3/25 277 tỷ VNĐ	QoQ ▲ 27.0 ▲ 10.8%	YoY ▲ 97.0 ▲ 53.9%
-------------	------------------------	--------------------------	--------------------------

LN sau thuế	9T 2025 670 tỷ VNĐ	YoY ▲ 210 ▲ 45.5%
-------------	--------------------------	-------------------------

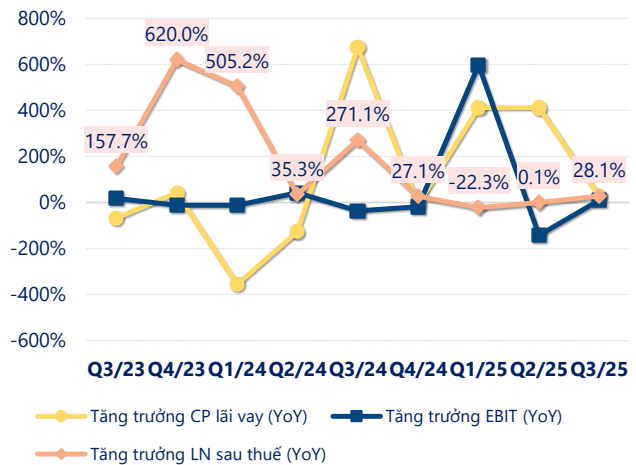


Tăng trưởng lợi nhuận



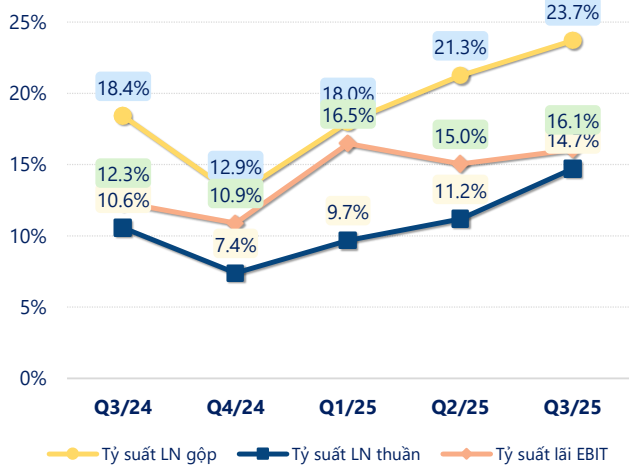
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



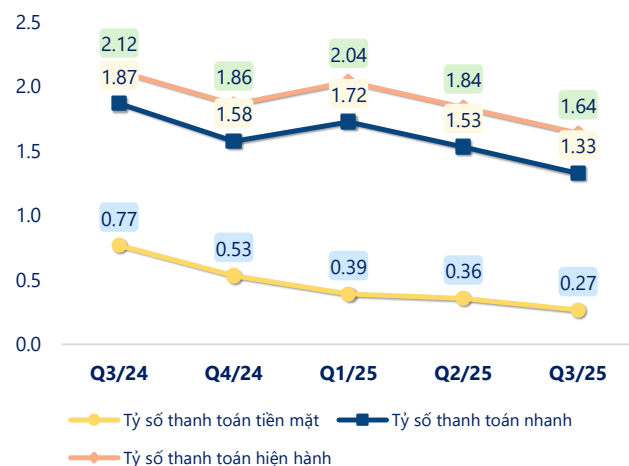
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



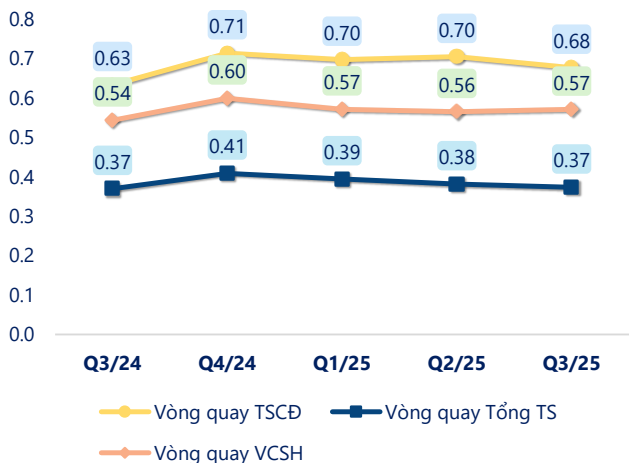
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



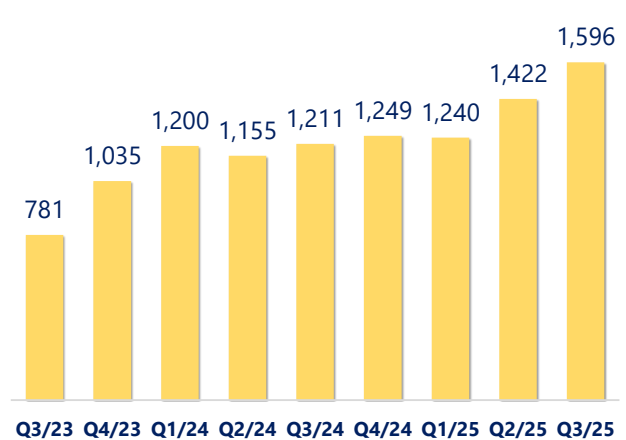
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	2,571	2,438	5.4%	6,521	6,476	0.7%
Giá vốn hàng bán	1,961	1,989	-1.4%	5,121	5,099	0.4%
Lợi nhuận gộp	609	449	35.7%	1,400	1,377	1.7%
Doanh thu HĐTC	40.5	48.6	-16.7%	126	114	10.2%
Chi phí TC	97.9	95.6	2.4%	277	354	-21.8%
Chi phí lãi vay	46.4	51.2	-9.4%	145	190	-23.7%
LN trong công ty LKLD	34.7	27.5	26.3%	81.3	12.5	549%
Chi phí bán hàng	10.3	9.01	14.1%	21.2	13.6	56.0%
Chi phí QLDN	198	163	21.5%	512	431	18.7%
LN thuần từ HĐKD	378	257	47.2%	798	706	13.0%
Lợi nhuận khác	-11.9	-8.10	-47.5%	86.0	-32.3	366%
LN trước thuế	366	249	47.2%	884	673	31.3%
Lợi nhuận sau thuế	277	180	53.9%	670	460	45.5%
LNST của CĐ cty mẹ	278	182	52.9%	671	478	40.4%

(Nguồn: fireant.vn)

